

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa đối với thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Kon Tum

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định về một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 05/2022/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về ban hành Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Kon Tum;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 07/TTr-SLĐTBXH ngày 13 tháng 01 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa đối với 80 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Kon Tum (Phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Căn cứ Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa được ban hành kèm theo Điều 1 của Quyết định này, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm:

1. Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cấu hình thành phần hồ sơ phải số hóa trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh làm cơ sở cho công chức, viên chức, nhân viên làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp thực hiện phân loại thành phần hồ sơ số hóa.

2. Thường xuyên rà soát, theo dõi các quy định của pháp luật chuyên ngành và thống kê Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa theo yêu cầu quản lý đối với thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh Danh mục được ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Chỉ đạo công chức, viên chức, nhân viên thực hiện số hóa, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định về một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

4. Thực hiện tái sử dụng thông tin, dữ liệu trong công tác giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện; thành phố; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + CVP, các PCVP UBND tỉnh (đ/b);
 - + Trung tâm PVHCC tỉnh (t/h);
- Viễn thông Kon Tum (p/h);
- Lưu: VT, TTHCC.VĐT.



CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Tuấn

Phụ lục
DANH MỤC THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SỐ HÓA ĐỐI VỚI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH KON TUM
(Kèm theo Quyết định số: 43 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố danh mục TTHC	Tên thành phần hồ sơ phải số hóa
A	CẤP TỈNH			
I	LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG			
1.	1.010801.000.00.00.H34	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 19/4/2022	1) Bản sao được chứng thực từ Bằng “Tổ quốc ghi công” (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001737). 2) Một trong các giấy tờ sau: Trường hợp thân nhân là người có công nuôi liệt sĩ phải có văn bản đồng thuận của các thân nhân liệt sĩ; trường hợp liệt sĩ không còn thân nhân thì phải có văn bản đồng thuận của những người thuộc quy định tại điểm b khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự. Văn bản đồng thuận do Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận về chữ ký, nơi thường trú và nội dung đồng thuận. Trường hợp thân nhân là con chưa đủ 18 tuổi phải có thêm bản sao được chứng thực từ giấy khai sinh hoặc trích lục khai sinh. Trường hợp thân nhân là con từ đủ 18 tuổi trở lên đang đi học phải có thêm giấy xác nhận của cơ sở giáo dục nơi đang theo học. Trường hợp thân nhân là con từ đủ 18 tuổi trở lên bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng trước khi đủ 18 tuổi phải có thêm giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người

				khuyết tật. Trường hợp thân nhân là con từ đủ 18 tuổi trở lên bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng sau khi đủ 18 tuổi mà không có thu nhập hằng tháng hoặc có thu nhập hằng tháng thấp hơn 0,6 lần mức chuẩn phải có thêm giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật, giấy xác nhận thu nhập theo Mẫu số 47 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP của Ủy ban nhân dân cấp xã. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001738) 3) Đơn đề nghị Mẫu số 05 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001832).
2.	1.010802.000.00.00.H34	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 19/4/2022	1) Trường hợp chăm sóc bố, mẹ liệt sĩ khi còn sống: + Văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bố, mẹ liệt sĩ thường trú khi còn sống. + Biên bản họp đồng thuận của thân nhân liệt sĩ hoặc của những người thuộc hàng thừa kế thứ hai của liệt sĩ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự (ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột của liệt sĩ; cháu ruột của liệt sĩ mà người chết là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại) có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi lập biên bản theo Mẫu số 80. + Biên bản họp đồng thuận của thân nhân liệt sĩ hoặc của những người thuộc hàng thừa kế thứ ba của liệt sĩ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự (cụ nội, cụ ngoại của người chết; bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của liệt sĩ; cháu ruột của người chết mà liệt sĩ là bác ruột, chú ruột, cậu

				ruột, cô ruột, dì ruột; chết ruột của liệt sĩ mà liệt sĩ là cụ nội, cụ ngoại) nếu những người thuộc hàng thừa kế thứ hai của liệt sĩ không còn. + Văn bản đồng thuận có xác nhận về chữ ký và nơi thường trú của Ủy ban nhân dân cấp xã của những thành viên vắng mặt không dự họp. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001741) 2) Trường hợp không chăm sóc được bố, mẹ liệt sĩ khi còn sống: + Các Biên bản đồng thuận của thân nhân liệt sĩ hoặc của những người thuộc hàng thừa kế thứ hai hoặc thứ ba của liệt sĩ. + Một trong các giấy tờ chứng minh lý do không chăm sóc được bố, mẹ liệt sĩ vì hoạt động cách mạng: lý lịch cán bộ; lý lịch đảng viên; lý lịch quân nhân; hồ sơ bảo hiểm xã hội; các giấy tờ, tài liệu khác do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận trong thời gian tham gia cách mạng. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001742). 3) Trường hợp nuôi con liệt sĩ đến tuổi trưởng thành: Văn bản đồng thuận của con liệt sĩ có xác nhận về chữ ký và nơi thường trú của Ủy ban nhân dân cấp xã. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001740). 4) Đơn đề nghị Mẫu số 17 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001739)
3.	1.010803.000.00.00.H34	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 19/4/2022	1) Bản sao chứng thực từ Bằng “Tổ quốc ghi công”. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001744 G8) 2) Văn bản ủy quyền. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001745)

				3) Đơn đề nghị Mẫu số 18 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001743)
4.	1.010804.000.00.00.H34	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 19/4/2022	1) Bản khai Mẫu số 03 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001746). 2) Trường hợp bà mẹ Việt Nam anh hùng còn sống: Bản sao được chứng thực từ quyết định tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” hoặc bản sao được chứng thực từ Bằng “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001747) 3) Trường hợp bà mẹ Việt Nam anh hùng được truy tặng: Bản sao được chứng thực từ quyết định truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001748) 4) Trường hợp bà mẹ Việt Nam anh hùng được tặng danh hiệu nhưng chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi: Bản sao được chứng thực từ quyết định tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” hoặc bản sao được chứng thực từ Bằng “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” và giấy báo tử hoặc trích lục khai tử. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001749)
5.	1.010805.000.00.00.H34	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 19/4/2022	1) Bản khai Mẫu số 04 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001750). 2) Trường hợp Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến còn sống: Bản sao được chứng thực từ quyết định phong tặng hoặc bản sao được chứng thực từ Bằng anh hùng. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001751) 3) Trường hợp Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh

				hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến được truy tặng: Bản sao được chứng thực từ quyết định truy tặng danh hiệu anh hùng. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001752) 4) Trường hợp Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến được tặng danh hiệu nhưng chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi: Bản sao được chứng thực từ quyết định phong tặng hoặc bản sao được chứng thực từ Bằng anh hùng và giấy báo tử hoặc trích lục khai tử. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001753)
6.	1.010806.000.00.00.H34	Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 19/4/2022	1) Bản tóm tắt bệnh án điều trị vết thương của bệnh viện tuyến huyện hoặc trung tâm y tế huyện hoặc tương đương trở lên (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an). (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001823) 2) Trường hợp bị thương quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh phải có giấy xác nhận trường hợp bị thương do các cơ quan, đơn vị đã được quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP cấp. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001824) 3) Trường hợp bị thương quy định tại điểm h khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh phải có quyết định phân công nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền, biên bản xảy ra sự việc kèm theo bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ có ghi nhận thời gian làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh ở địa bàn đặc biệt khó khăn như sau: lý lịch cán bộ; lý lịch quân nhân; lý lịch đảng viên; hồ sơ bảo hiểm xã hội. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001826) 4) Trường hợp bị thương quy định tại điểm đ, e, g, i, k khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh thì phải có các giấy tờ theo quy định tương ứng tại các khoản 2, 3, 4, 6, 7 Điều 17 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001825)

				5) Trường hợp bị thương trong kháng chiến chống Pháp, kháng chiến chống Mỹ, chiến tranh biên giới phía Bắc, biên giới Tây Nam và làm nghĩa vụ quốc tế tại Lào và Campuchia, truy quét Ful rô quy định tại một trong các khoản a, b, c, d, đ Điều 23 Pháp lệnh thi thực hiện theo hướng dẫn tại Mục 12 Chương II Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. (Mã TPHS 000.00.00.G07-KQ001827)
7.	1.010807.000. 00.00.H34	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ đối với trường hợp không tại ngũ, công tác trong quân đội, công an	Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 19/4/2022	1) Biên bản của các lần giám định trước. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001757) 2) Bản sao Giấy chứng nhận bị thương. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001756) 3) Kết quả chụp, chiếu và chẩn đoán của bệnh viện tuyến huyện hoặc trung tâm y tế huyện hoặc tương đương trở lên (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an) đối với trường hợp người bị thương còn sót mảnh kim khí trong cơ thể. (Mã TPHS 000.00.00.G07-KQ001758) 4) Phiếu phẫu thuật hoặc tóm tắt hồ sơ bệnh án của của bệnh viện tuyến huyện hoặc trung tâm y tế huyện hoặc tương đương trở lên (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an) đối với trường hợp đã phẫu thuật lấy dị vật. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001759) 5) Đơn đề nghị giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với thương binh, người bị thương theo Mẫu số 33 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001755)
8.	1.010808.000. 00.00.H34	Giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng	Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 19/4/2022	1) Biên bản giám định y khoa. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001763) 2) Bản sao Giấy chứng nhận bệnh binh. (Mã TPHS:

		thời là bệnh binh		000.00.00.G07-KQ001762) 3) Bản sao Giấy chứng nhận bị thương. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001761) 4) Đơn đề nghị giải quyết thêm chế độ trợ cấp theo Mẫu số 19 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001760)
9.	1.010809.000.00.00.H34	Giải quyết chế độ đối với thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động	Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 19/4/2022	1) Biên bản giám định y khoa. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001766) 2) Bản sao Giấy chứng nhận bị thương. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001765) 3) Đơn đề nghị giải quyết thêm chế độ trợ cấp. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001764)
10.	1.010810.000.00.00.H34	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 19/4/2022	1) Bản khai theo Mẫu số 08 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. (Mã TPHS 000.00.00.G07-KQ001767) 2) Giấy tờ chứng minh quá trình tham gia cách mạng quy định khoản 1 tại Điều 76 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001768): + Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ sau: lý lịch cán bộ; lý lịch đảng viên; lý lịch quân nhân; quyết định phục viên, xuất ngũ, thôi việc; hồ sơ bảo hiểm xã hội hoặc các giấy tờ, tài liệu do cơ quan có thẩm quyền ban hành lập từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước (đối với người tham gia cách mạng sau đó tiếp tục tham gia công tác tại các cơ quan nhà nước) + Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ sau: hồ sơ khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến hoặc một trong các quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chế độ đối với

				người tham gia kháng chiến chống Pháp; chống Mỹ; tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào (đối với người tham gia cách mạng sau đó không tiếp tục tham gia công tác tại các cơ quan nhà nước). 3) Tùy từng trường hợp kèm theo một trong các giấy tờ sau: Giấy tờ, tài liệu chứng minh bị thương và bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 76 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; - Kết quả chụp phim và kết luận của bệnh viện tuyến huyện hoặc trung tâm y tế tuyến huyện hoặc tương đương trở lên (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an) đối với vết thương còn mảnh kim khí trong cơ thể với trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 76 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. Nếu đã phẫu thuật lấy dị vật thì phải kèm theo phiếu phẫu thuật hoặc giấy ra viện hoặc tóm tắt hồ sơ bệnh án ghi nhận nội dung này. (Mã TPMS 000.00.00.G07-KQ001769)
11.	1.010811.000.00.00.H34	Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 19/4/2022	1) Giấy khám và chỉ định sử dụng phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị chỉnh hình phục hồi chức năng (Mẫu số 40 phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP). (Mã TPMS: 000.00.00.G07-KQ001771). 2) Đơn đề nghị cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng (Mẫu số 21 phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP). (Mã TPMS: 000.00.00.G07-KQ001770).

12.	1.010812.000. 00.00.H34	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 19/4/2022	1) Bản sao được chứng thực từ quyết định cấp giấy chứng nhận và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi người có công. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001773) 2) Đơn đề nghị vào nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng người có công (Mẫu số 22 phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP). (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001772)
13.	1.010813.000. 00.00.H34	Đưa người có công đối với trường hợp đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình	Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 19/4/2022	1) Đơn đề nghị chuyển từ cơ sở nuôi dưỡng người có công về gia đình theo Mẫu số 23 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001774)
14.	1.010814.000. 00.00.H34	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 19/4/2022	1) Đơn đề nghị theo Mẫu số 25 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001775)
15.	1.010815.000. 00.00.H34	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 19/4/2022	1) Đối với người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945: - Bản khai để công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945. - Bản sao được chứng thực từ 1 trong các giấy tờ có ghi nhận thời gian tham gia hoạt động cách mạng sau: Lý lịch của cán

				bộ, đảng viên khai từ năm 1962 trở về trước do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý; - Lý lịch khai trong Cuộc vận động bảo vệ Đảng theo Chỉ thị số 90-CT/TW ngày 01 tháng 3 năm 1965 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa III); - Lý lịch đảng viên khai năm 1975, 1976 theo Thông tri số 297/TT-TW ngày 20 tháng 4 năm 1974 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa III) đối với người hoạt động cách mạng được kết nạp vào Đảng sau năm 1969 hoặc người hoạt động liên tục ở các chiến trường B, C, K từ năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975. Đối với người đã hy sinh, từ trần từ ngày 30/6/1999 trở về trước thì bổ sung thêm một trong các giấy tờ sau: Bản sao được chứng thực từ hồ sơ khen thưởng Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập hoặc từ hồ sơ, tài liệu đang lưu giữ tại cơ quan lưu trữ của Đảng, Nhà nước, bảo tàng lịch sử từ cấp huyện trở lên; - Bản trích lục hồ sơ liệt sĩ; - Lịch sử đảng bộ từ cấp xã trở lên được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và cấp phép xuất bản.(Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001776). 2) Đối với người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945: - Bản khai để công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945. - Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ có ghi nhận thời gian tham gia hoạt động cách mạng sau: + Lý lịch của cán bộ, đảng viên khai từ năm 1969 trở về trước
--	--	--	--	---

				do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý. + Lý lịch đảng viên khai năm 1975, 1976 theo Thông tri số 297/TT-TW ngày 20 tháng 4 năm 1974 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa III) đối với người hoạt động cách mạng do cơ quan, tổ chức để thất lạc lý lịch khai từ năm 1969 trở về trước hoặc người hoạt động cách mạng được kết nạp vào Đảng sau năm 1969 hoặc người hoạt động liên tục ở các chiến trường B, C, K từ năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975. - Đối với người đã hy sinh, từ trần trước ngày 01/01/1995 thì bổ sung thêm một trong các giấy tờ sau: + Bản sao được chứng thực từ lý lịch theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định 131/2021/NĐ-CP , từ hồ sơ khen thưởng Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập hoặc từ hồ sơ, tài liệu đang lưu giữ tại cơ quan lưu trữ của Đảng, Nhà nước, bảo tàng lịch sử từ cấp huyện trở lên. + Bản trích lục hồ sơ liệt sĩ. + Lịch sử đảng bộ từ cấp xã trở lên được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và cấp phép xuất bản. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001777)
16.	1.010816.000. 00.00.H34	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 19/4/2022	1) Bản khai theo Mẫu số 09 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. (Mã TPHS 000.00.00.G07-KQ001778) 2) Một trong các giấy tờ có ghi nhận thời gian tham gia kháng chiến tại vùng quân đội Mỹ sử dụng chất độc hóa học sau: Giấy X Y Z; - Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ sau: quyết định phục viên, xuất ngũ; giấy chuyển thương, chuyển viện, giấy điều trị; lý lịch cán bộ; lý lịch đảng viên; lý

				lịch quân nhân; lý lịch công an nhân dân; hồ sơ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội; Huân chương, Huy chương chiến sĩ giải phóng; hồ sơ khen thưởng thành tích tham gia kháng chiến, hồ sơ người có công được xác lập trước ngày 01 tháng 01 năm 2000; - Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận trước ngày 01 tháng 01 năm 2000. Trường hợp danh sách, sổ quản lý quân nhân, sổ chi trả trợ cấp quân nhân đi B đang lưu tại cơ quan chức năng của địa phương mà chưa có xác nhận thì Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm phối hợp với Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tập hợp, chốt số lượng người và xác nhận danh sách, sổ quản lý đang do cơ quan, đơn vị quản lý, hoàn thành trước ngày 01 tháng 5 năm 2022 và gửi số liệu về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 01 tháng 6 năm 2022. Trường hợp các giấy tờ trên chỉ thể hiện phiên hiệu, ký hiệu đơn vị thì kèm theo giấy xác nhận thông tin giải mã phiên hiệu, ký hiệu, thời gian, địa bàn hoạt động của đơn vị theo Mẫu số 37 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001779). 3) Một trong các giấy tờ ghi nhận mắc bệnh (trừ trường hợp có vợ hoặc có chồng nhưng không có con đẻ) như sau: Bản tóm tắt hồ sơ bệnh án của bệnh viện tuyến huyện hoặc trung tâm y tế huyện hoặc tương đương trở lên (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an) theo mẫu quy định của Bộ Y tế; - Bản tóm tắt hồ sơ bệnh án ngoại trú của Phòng khám Ban Bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo mẫu quy định của Bộ Y tế; - Giấy tờ do cơ quan, đơn vị có thẩm quyền ban hành được xác lập từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước ghi nhận mắc bệnh thuộc nhóm bệnh thần kinh ngoại biên trong thời gian từ một đến năm tuần sau phơi nhiễm đối
--	--	--	--	--

				với trường hợp mắc bệnh thần kinh ngoại biên cấp tính hoặc bán cấp tính; - Bản tóm tắt hồ sơ bệnh án của lần điều trị cuối cùng ghi nhận quá trình điều trị về bệnh rối loạn tâm thần liên tiếp trong 03 năm trở lên của bệnh viện tuyến huyện hoặc trung tâm y tế huyện hoặc tương đương trở lên (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an) với các bệnh rối loạn tâm thần có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học theo. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001780) 4) Trường hợp có vợ hoặc có chồng nhưng không có con đẻ thì bổ sung thêm Giấy xác nhận người hoạt động kháng chiến có vợ hoặc có chồng nhưng không có con đẻ của Ủy ban nhân dân cấp xã. (Mã TPHS 000.00.00.G07-KQ001781)
17.	1.010817.000.00.00.H34	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 19/4/2022	1) Bản khai theo Mẫu số 09 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001782) 2) Bản sao được chứng thực từ giấy khai sinh, trích lục khai sinh. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001783) 3) Một trong các giấy tờ có ghi nhận thời gian tham gia kháng chiến tại vùng quân đội Mỹ sử dụng chất độc hóa học sau: Giấy X Y Z; - Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ sau: quyết định phục viên, xuất ngũ; giấy chuyển thương, chuyển viện, giấy điều trị; lý lịch cán bộ; lý lịch đảng viên; lý lịch quân nhân; lý lịch công an nhân dân; hồ sơ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội; Huân chương, Huy chương chiến sĩ giải phóng; hồ sơ khen thưởng thành tích tham gia kháng chiến, hồ sơ người có công được xác lập trước ngày 01 tháng 01 năm 2000; - Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận trước ngày 01 tháng 01 năm 2000.

				Trường hợp danh sách, sổ quản lý quân nhân, sổ chi trả trợ cấp quân nhân đi B đang lưu tại cơ quan chức năng của địa phương mà chưa có xác nhận thì Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm phối hợp với Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tập hợp, chốt số lượng người và xác nhận danh sách, sổ quản lý đang do cơ quan, đơn vị quản lý, hoàn thành trước ngày 01 tháng 5 năm 2022 và gửi số liệu về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 01 tháng 6 năm 2022. Trường hợp các giấy tờ trên chỉ thể hiện phiên hiệu, ký hiệu đơn vị thì kèm theo giấy xác nhận thông tin giải mã phiên hiệu, ký hiệu, thời gian, địa bàn hoạt động của đơn vị theo Mẫu số 37 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. (Mã TPHS 000.00.00.G07-KQ001784) 4) Một trong các giấy tờ ghi nhận mắc bệnh hoặc dị dạng, dị tật như sau: Bản tóm tắt hồ sơ bệnh án của bệnh viện tuyến huyện hoặc trung tâm y tế huyện hoặc tương đương trở lên (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an) theo mẫu quy định của Bộ Y tế; - Giấy xác nhận dị dạng, dị tật bẩm sinh của các cơ sở y tế cấp xã trở lên đối với con đẻ chưa khám bệnh, chữa bệnh về các dị dạng, dị tật. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001785)
18.	1.010818.000.00.00.H34	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ	Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 19/4/2022	1) Bản khai theo Mẫu số 10 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001786) 2) Giấy báo tử hoặc trích lục khai tử (đối với trường hợp chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi). (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001787)

		quốc tế bị địch bắt tù, đầy		3) Một trong các giấy tờ chứng minh có tham gia cách mạng, kháng chiến bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế và thời gian, địa điểm bị tù, đầy như sau: Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận từ ngày 31/12/1994 trở về trước: lý lịch cán bộ, lý lịch đảng viên, lý lịch quân nhân, lý lịch công an; hồ sơ khen thưởng tổng kết thành tích tham gia kháng chiến; các giấy tờ, tài liệu khác; - Bản sao được chứng thực từ hồ sơ hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội; - Bản trích lục hồ sơ liệt sĩ; - Giấy xác nhận của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an về thời gian tù và nơi bị tù. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001788)
19.	1.010819.000.00.00.H34	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 19/4/2022	1) Bản khai theo Mẫu số 11 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. (Mã TPHS 000.00.00.G07-KQ001789) 2) Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ sau: Huân chương Kháng chiến, Huân chương Chiến thắng, Huy chương Kháng chiến, Huy chương Chiến thắng hoặc giấy chứng nhận đeo huân chương, huy chương; - Quyết định tặng thưởng Huân chương Kháng chiến, Huân chương Chiến thắng, Huy chương Kháng chiến, Huy chương Chiến thắng; - Giấy xác nhận về khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến và thời gian hoạt động kháng chiến thực tế của cơ quan Thi đua - Khen thưởng cấp huyện trở lên. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001791) 3) Giấy báo tử hoặc trích lục khai tử (đối với trường hợp chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi). (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001790)
20.	1.010820.000.	Giải quyết chế độ	Quyết định số	1) Bản khai theo Mẫu số 11 Phụ lục I Nghị định số

	00.00.H34	người có công giúp đỡ cách mạng	277/QĐ-UBND ngày 19/4/2022	131/2021/NĐ-CP. (Mã TPHS 000.00.00.G07-KQ001792) 2) Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận Kỷ niệm chương “Tổ quốc ghi công”, Bằng “Có công với nước” trước cách mạng tháng Tám năm 1945; huân chương Kháng chiến; Huy chương Kháng chiến; - Quyết định tặng thưởng Huân chương Kháng chiến, Huy chương Kháng chiến; - Giấy xác nhận về khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến và quá trình tham gia giúp đỡ cách mạng của cơ quan Thi đua; Khen thưởng cấp huyện trở lên đối với trường hợp không có tên trong Giấy chứng nhận Kỷ niệm chương “Tổ quốc ghi công”, Bằng “Có công với nước” trước cách mạng tháng Tám năm 1945; Huân chương Kháng chiến; Huy chương Kháng chiến nhưng có tên trong hồ sơ khen thưởng. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001794) 3) Giấy báo tử hoặc trích lục khai tử (đối với trường hợp chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi). (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001793)
21.	1.010821.000.00.00.H34	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 19/4/2022	1) Giấy xác nhận theo Mẫu số 41 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001796) 2) Đơn đề nghị theo Mẫu số 20 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001795)
22.	1.010822.000.00.00.H34	Giải quyết phụ cấp đặc biệt hằng tháng đối với thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh	Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 19/4/2022	1) Bản tóm tắt bệnh án điều trị thể hiện cắt hoặc liệt hoàn toàn hai chi trở lên; mù hoàn toàn hai mắt; tâm thần nặng dẫn đến không tự lực được trong sinh hoạt của bệnh viện tuyến huyện hoặc trung tâm y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an). (Mã TPHS:

		có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên		000.00.00.G07-KQ001798) 2) Đơn đề nghị. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001797)
23.	1.010823.000.00.00.H34	Hưởng lại chế độ ưu đãi	Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 19/4/2022	1) Các giấy tờ chứng minh đã chấp hành xong hình phạt tù, thời điểm hưởng lại chế độ ưu đãi kể từ tháng liền kề sau tháng chấp hành xong hình phạt tù (đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 54 Pháp lệnh). (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001800) 2) Giấy tờ nhập cảnh (đối với trường hợp người có công hoặc thân nhân xuất cảnh trái phép nay trở về nước thường trú). Nếu trong thời gian 01 tháng sau khi nhập cảnh không có đơn đề nghị hưởng lại chế độ thì phải kèm theo Phiếu lý lịch tư pháp số 1 quy định tại Luật Lý lịch tư pháp. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001801) 3) Phiếu lý lịch tư pháp số 1 quy định tại Luật Lý lịch tư pháp (đối với trường hợp người có công hoặc thân nhân mất tích nay trở về). (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001802) 4) Đơn đề nghị theo Mẫu số 24 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001799)
24.	1.010824.000.00.00.H34	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 19/4/2022	1) Trợ cấp một lần, mai táng - Bản khai theo Mẫu số 12 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. - Bản sao được chứng thực từ giấy báo tử hoặc trích lục khai tử. (Mã TPHS 000.00.00.G07-KQ001803) 2) Trợ cấp tuất hằng tháng, trợ cấp tuất nuôi dưỡng hằng tháng: - Bản khai theo Mẫu số 12 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

				- Bản sao được chứng thực từ giấy báo tử hoặc trích lục khai tử. - Bản sao được chứng thực từ giấy khai sinh hoặc trích lục khai sinh đối với trường hợp thân nhân là con chưa đủ 18 tuổi. - Giấy xác nhận của cơ sở giáo dục nơi đang theo học đối với trường hợp thân nhân là con từ đủ 18 tuổi trở lên đang đi học; nếu đang theo học tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc giáo dục đại học thì phải có thêm bản sao được chứng thực từ Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc giấy xác nhận của cơ sở giáo dục trung học phổ thông về thời điểm kết thúc học. (Mã TPHS 000.00.00.G07-KQ001804)
25.	1.010825.000. 00.00.H34	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 19/4/2022	1) Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ chứng minh mối quan hệ với liệt sĩ như sau: + Đối với đề nghị bổ sung là cha đẻ mẹ đẻ, vợ hoặc chồng liệt sĩ: Căn cước công dân, lý lịch cán bộ, lý lịch đảng viên, lý lịch quân nhân, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Các giấy tờ, tài liệu khác do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận. Văn bản đồng thuận của thân nhân liệt sĩ hoặc của những người thuộc quy định tại điểm b khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự. Trường hợp những người này không còn thì phải được những người thuộc quy định tại điểm c khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự có văn bản đồng thuận. + Đối với đề nghị bổ sung là con liệt sĩ: Giấy khai sinh, trích lục khai sinh, quyết định công nhận việc nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật; lý lịch cán bộ, lý lịch đảng viên, lý lịch quân nhân; các giấy tờ, tài liệu khác do cơ quan có thẩm quyền

				ban hành, xác nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2021. (Mã TPHS 000.00.00.G07-KQ001806) 2) Đơn đề nghị theo Mẫu số 06 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. (Mã TPHS 000.00.00.G07-KQ001805)
26.	1.010826.000. 00.00.H34	Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	Quyết định số 254/QĐ-UBND ngày 22/5/2023	1) Bản sao có chứng thực từ các giấy tờ sau: + Đối với người có công: căn cước công dân hoặc chứng minh thư nhân dân. + Đối với thân nhân liệt sĩ hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ, thân nhân của người có công đã tử trận: căn cước công dân hoặc chứng minh thư nhân dân. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001997) 2) Đơn đề nghị theo Mẫu số 26 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001996)
27.	1.010827.000. 00.00.H34	Di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú	Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 19/4/2022	1) Bản sao được chứng thực từ căn cước công dân hoặc giấy xác nhận của cơ quan đăng ký cư trú. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001810) 2) Đơn đề nghị theo Mẫu. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001809)
28.	1.010828.000. 00.00.H34	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng	Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 19/4/2022	1) Đơn đề nghị hoặc văn bản đề nghị cấp trích lục hoặc sao một số giấy tờ trong hồ sơ hoặc toàn bộ hồ sơ người có công. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001811) 2) Cấp trích lục hồ sơ, sao một số giấy tờ hoặc toàn bộ hồ sơ người có công.
29.	1.010829.000. 00.00.H34	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác	Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 19/4/2022	1) Đối với trường hợp chưa được hỗ trợ: + Đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ theo Mẫu số 32 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. + Giấy báo tin mộ liệt sĩ.

		theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ		+ Văn bản ủy quyền đối với trường hợp thân nhân liệt sĩ ủy quyền di chuyển hài cốt liệt sĩ. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001812) 2) Đối với trường hợp đã được hỗ trợ: + Đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ theo Mẫu số 32 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. + Bản sao được chứng thực từ giấy chứng nhận gia đình hoặc thân nhân liệt sĩ hoặc bản sao được chứng thực từ quyết định trợ cấp thờ cúng liệt sĩ. + Giấy báo tin mộ liệt sĩ. + Văn bản ủy quyền đối với trường hợp thân nhân liệt sĩ ủy quyền di chuyển hài cốt liệt sĩ. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001813)
30.	1.010830.000.00.00.H34	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 19/4/2022	1) Bản sao được chứng thực từ biên bản bàn giao hài cốt liệt sĩ đối với trường hợp mộ liệt sĩ được cơ quan chức năng bàn giao cho gia đình quản lý. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001815) 2) Văn bản ủy quyền đối với trường hợp thân nhân liệt sĩ ủy quyền di chuyển hài cốt liệt sĩ. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001814) - Đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ theo Mẫu số 32 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001816)
31.	1.010831.000.00.00.H34	Cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh	Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 19/4/2022	1) Đơn đề nghị cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh. (Mã TPHS 000.00.00.G07-KQ001817)

32.	2.001157.000. 00.00.H34	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 21/12/2023	1) Bản khai cá nhân: (Mã <i>TPHS 000.00.00.G07-KQ002122</i>): Trường hợp TNXP còn sống thì lập theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 08/2023/TT-BLĐTBXH. Trường hợp TNXP đã tử trận thì thân nhân TNXP lập theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 08/2023/TT-BLĐTBXH. 2) Một trong các giấy tờ sau đây chứng minh là TNXP (là bản chính hoặc bản sao có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã) (Mã <i>TPHS 000.00.00.G07-KQ002121</i>): - Lý lịch cán bộ hoặc lý lịch đảng viên khai trước ngày Quyết định số 104/1999/QĐ-TTg ngày 14/4/1999 có hiệu lực thi hành; - Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp trước khi TNXP trở về địa phương như: Giấy chứng nhận hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị quản lý TNXP; Giấy chuyển thương, chuyển viện, phiếu sức khỏe; Giấy khen trong thời gian tham gia lực lượng TNXP; Giấy chứng nhận tham gia TNXP; Giấy điều động công tác, bổ nhiệm, giao nhiệm vụ. + Trường hợp TNXP không còn một trong các giấy tờ trên thì phải nộp bản khai có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi tham gia TNXP (bản chính), Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xác nhận bản khai đối với đối tượng là người địa phương đi TNXP nhưng hiện đang đăng ký hộ khẩu thường trú ở địa phương khác (nội dung xác nhận theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 08/2023/TT-BLĐTBXH).
33.	2.001396.000. 00.00.H34	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung	Quyết định số 633/QĐ-UBND	1) Bản khai cá nhân lập theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 08/2023/TT-BLĐTBXH. (Mã <i>TPHS</i>

		phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	ngày 21/12/2023	000.00.00.G07-KQ002124) 2) Một trong các giấy tờ sau đây chứng minh là TNXP (là bản chính hoặc bản sao có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã): Lý lịch cán bộ hoặc lý lịch đảng viên khai trước ngày Quyết định số 104/1999/QĐ-TTg ngày 14/4/1999 có hiệu lực thi hành; - Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp trước khi TNXP trở về địa phương như: Giấy chứng nhận hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị quản lý TNXP; Giấy chuyển thương, chuyển viện, phiếu sức khỏe; Giấy khen trong thời gian tham gia lực lượng TNXP; Giấy chứng nhận tham gia TNXP; Giấy điều động công tác, bổ nhiệm, giao nhiệm vụ. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ002123) Trường hợp TNXP không còn một trong các giấy tờ trên thì phải nộp bản khai có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi tham gia TNXP (bản chính), Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xác nhận bản khai đối với đối tượng là người địa phương đi TNXP nhưng hiện đang đăng ký hộ khẩu thường trú ở địa phương khác (nội dung xác nhận theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 08/2023/TT-BLĐTBXH). 3) Đối với đối tượng đủ điều kiện hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng, ngoài các giấy tờ theo quy định, phải có giấy chứng nhận sức khỏe của cơ sở y tế cấp huyện trở lên (bản chính). (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ002125)
34.	1.001257.000.00.00.H34	Thủ tục giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến	Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 15/6/2021	1) Bản khai cá nhân của người được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của cấp Bộ, Bằng khen của cấp tỉnh (gọi chung là người có bằng khen); Trường hợp người có bằng khen đã từ trần: Bản khai cá nhân của đại diện thân nhân

		đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		kèm biên bản ủy quyền. Thân nhân của người có bằng khen từ trần là một trong những người sau: Vợ hoặc chồng; bố đẻ, mẹ đẻ; con đẻ, con nuôi của người từ trần. (Mã TPHS 000.00.00.G07-KQ0745) 2) Bản sao một trong các giấy tờ sau: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của cấp Bộ, Bằng khen của cấp tỉnh hoặc Quyết định khen thưởng. (Mã TPHS 000.00.00.G07-KQ0746)
35.	1.004964.000.00.00.H34	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm – pu – chia.	Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 15/6/2021	1) 01 Tờ khai của đối tượng. Trường hợp đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 62/2015/QĐ-TTg ngày 04/2/2015 đã chết trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì thân nhân trực tiếp của đối tượng lập Tờ khai; (2) Quyết định cử đối tượng sang làm chuyên gia tại Lào, Căm-pu-chi-a; Quyết định về nước (bản chính hoặc bản sao của cơ quan có thẩm quyền); (3) Quyết định nghỉ hưu hoặc nghỉ việc do mất sức lao động (bản chính hoặc bản sao của cơ quan có thẩm quyền) của người đã nghỉ hưu hoặc nghỉ việc do mất sức lao động; (4) Quyết định nghỉ việc chờ hưởng chế độ hưu trí hoặc Quyết định thôi việc và hồ sơ lý lịch khai trước khi nghỉ việc chờ hưởng chế độ hưu trí hoặc thôi việc có xác nhận của cơ quan quản lý (bản chính hoặc bản sao của cơ quan có thẩm quyền) của người nghỉ việc chờ hưởng chế độ hưu trí hoặc thôi việc; (5) Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về thời gian

				thực tế của đối tượng được cử sang làm chuyên gia tại Lào, Căm-pu-chi-a đối với đối tượng thiếu giấy tờ quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 4 Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao (kèm theo bản chính để đối chiếu) lý lịch Đảng viên hoặc lý lịch cán bộ, công chức, viên chức khai trước ngày 01/01/1995, mà trong đó có khai thời gian được cử làm chuyên gia tại Lào và Căm-pu-chi-a theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 62/2015/QĐ-TTg; (6) Giấy ủy quyền của các thân nhân trực tiếp của đối tượng cho một người đứng tên làm thủ tục hưởng trợ cấp đối với trường hợp đối tượng đã chết nhưng còn các thân nhân trực tiếp. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ1303)
36.	2.002307.000. 00.00.H34	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 15/6/2021	1) Bản khai của đại diện thân nhân (kèm biên bản ủy quyền) hoặc người tổ chức mai táng (Mẫu TT1 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH); Giấy chứng tử; Hồ sơ của người có công với cách mạng. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ1298)
37.	2.002308.000. 00.00.H34	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 21/12/2023	1) Thanh niên xung phong đang hưởng bảo hiểm y tế theo Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg chết: Giấy khai tử do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp; Bản khai của người hoặc tổ chức lo mai táng đối với thanh niên xung phong đã chết theo Mẫu số 23 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 08/2023/TT-BLĐTBXH. (Mã TPHS 000.00.00.G07-KQ002119): 2) Thanh niên xung phong chết từ ngày Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg đến ngày Thông tư số 24/2009/TT-BLĐTBXH có hiệu lực thi hành và thanh niên xung phong

				không hưởng bảo hiểm y tế theo Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg; Giấy khai tử do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp; - Bản khai của người hoặc tổ chức lo mai táng đối với thanh niên xung phong đã chết theo Mẫu số 24 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 08/2023/TT-BLĐTBXH, kèm một trong những giấy tờ xác nhận là thanh niên xung phong quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 24/2009/TT-BLĐTBXH: - Thẻ đội viên; - Giấy chứng nhận hoàn thành nhiệm vụ ở thanh niên xung phong; - Giấy khen trong thời kỳ tham gia thanh niên xung phong; - Lý lịch cán bộ, đảng viên có ghi là thanh niên xung phong. Trường hợp không có giấy tờ nêu trên thì phải có giấy chứng nhận (bản chính) là thanh niên xung phong hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến chống Pháp do Tỉnh, Thành đoàn nơi đối tượng thường trú cấp, dựa trên xác nhận của Hội (hoặc Ban Liên lạc) Cựu thanh niên xung phong tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là cấp tỉnh) theo Mẫu số 21 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 08/2023/TT-BLĐTBXH (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ002120)
II	LĨNH VỰC LAO ĐỘNG – TIỀN LƯƠNG			
38.	1.000479.00 0.00.00.H34	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 15/6/2021	1) Phiếu lý lịch tư pháp số 1 theo quy định pháp luật về lý lịch tư pháp của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường hợp người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài không thuộc đối tượng được cấp phiếu lý lịch tư pháp số 1 thì được thay thế bằng phiếu lý lịch tư pháp tại quốc gia mang quốc tịch (phiếu lý lịch tư pháp được cấp trước ngày nộp hồ sơ không quá 06 tháng; văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh

				sự theo quy định pháp luật). (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ1338).
39.	1.000448.00 0.00.00.H34	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 15/6/2021	1) Phiếu lý lịch tư pháp số 1 theo quy định pháp luật về lý lịch tư pháp của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường hợp người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài không thuộc đối tượng được cấp phiếu lý lịch tư pháp số 1 thì được thay thế bằng phiếu lý lịch tư pháp tại quốc gia mang quốc tịch (phiếu lý lịch tư pháp được cấp trước ngày nộp hồ sơ không quá 06 tháng; văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật) (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ1342)
40.	1.000464.00 0.00.00.H34	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 15/6/2021	1) Phiếu lý lịch tư pháp số 1 theo quy định pháp luật về lý lịch tư pháp của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường hợp người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài không thuộc đối tượng được cấp phiếu lý lịch tư pháp số 1 thì được thay thế bằng phiếu lý lịch tư pháp tại quốc gia mang quốc tịch (phiếu lý lịch tư pháp được cấp trước ngày nộp hồ sơ không quá 06 tháng; văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật). (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ1339)
41.	2.001949.00 0.00.00.H34	Xếp hạng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu (hạng Tổng công ty và	Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 15/6/2021	1) Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh (Mã TPHS: 2.001949.000.00.00.H34)

		tương đương, hạng I, hạng II và hạng III		
III	LĨNH VỰC LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI			
42.	1.000459.000.00.00.H34	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động	Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 25/10/2023	1) Giấy chứng nhận sức khỏe hoặc giấy khám sức khỏe do cơ quan, tổ chức y tế có thẩm quyền của nước ngoài hoặc của Việt Nam cấp có giá trị trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày ký kết luận sức khỏe đến ngày nộp hồ sơ hoặc giấy chứng nhận có đủ sức khỏe theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ002086</i>) 2) Bản sao có chứng thực hộ chiếu hoặc bản sao hộ chiếu có xác nhận của người sử dụng lao động còn giá trị theo quy định của pháp luật (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ002088</i>) 3) Văn bản chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài trừ những trường hợp không phải xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ002087</i>) 4) Các giấy tờ để chứng minh người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ002089</i>)
43.	2.000205.000.00.00.H34	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 25/10/2023	1) Giấy chứng nhận sức khỏe hoặc giấy khám sức khỏe do cơ quan, tổ chức y tế có thẩm quyền của nước ngoài hoặc của Việt Nam cấp có giá trị trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày ký kết luận sức khỏe đến ngày nộp hồ sơ hoặc giấy chứng nhận có đủ sức khỏe theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ002064</i>)

				2) Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản xác nhận người lao động nước ngoài không phải là người đang trong thời gian chấp hành hình phạt hoặc chưa được xóa án tích hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự của nước ngoài hoặc của Việt Nam cấp. Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản xác nhận người lao động nước ngoài không phải là người đang trong thời gian chấp hành hình phạt hoặc chưa được xóa án tích hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự được cấp không quá 06 tháng, kể từ ngày cấp đến ngày nộp hồ sơ (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ002065) 3) Văn bản chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài trừ những trường hợp không phải xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ002068) 4) Bản sao có chứng thực hộ chiếu hoặc bản sao hộ chiếu có xác nhận của người sử dụng lao động còn giá trị theo quy định của pháp luật. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ002069)
44.	2.000192.000.00.00.H34	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 25/10/2023	1) Giấy phép lao động còn thời hạn đã được cấp. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ 002075)
45.	1.009811.000.00.00.H34	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 25/10/2023	1) Giấy phép lao động còn thời hạn đã được cấp. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ002079). 2) Bản sao có chứng thực hộ chiếu hoặc bản sao hộ chiếu có xác nhận của người sử dụng lao động còn giá trị theo quy định

				của pháp luật. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ002081) 3) Văn bản chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài trừ những trường hợp không phải xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài. (Mã TPHS 000.00.00.G07-KQ002080) 4) Giấy chứng nhận sức khỏe hoặc giấy khám sức khỏe do cơ quan, tổ chức y tế có thẩm quyền của nước ngoài hoặc của Việt Nam cấp có giá trị trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày ký kết luận sức khỏe đến ngày nộp hồ sơ hoặc giấy chứng nhận có đủ sức khỏe theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ002082)
IV	LĨNH VỰC VIỆC LÀM			
46.	1.001865.000.00.00.H34	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm cho doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.	Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 15/6/2021	1) Bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản gốc để đối chiếu quyết định bổ nhiệm (đối với người làm việc theo chế độ bổ nhiệm) hoặc văn bản công nhận kết quả bầu (đối với người làm việc theo chế độ bầu cử) của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với trường hợp là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm). Trường hợp văn bản là văn bản của nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ1428) 2) Bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản gốc để đối chiếu bằng cấp chuyên môn theo quy định: bằng đại học trở lên hoặc một trong các văn bản chứng minh thời gian trực tiếp làm chuyên môn hoặc quản lý dịch vụ việc

				làm hoặc cung ứng lao động từ đủ 02 năm (24 tháng) trở lên trong thời hạn 05 năm liền kề trước khi đề nghị cấp giấy phép của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ1426) 3) Bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản gốc để đối chiếu Giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc hợp đồng thuê địa điểm đặt trụ sở, chi nhánh để tổ chức hoạt động dịch vụ việc làm từ 03 năm (36 tháng) trở lên. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ1422) 4) Phiếu lý lịch tư pháp số 1 theo quy định pháp luật về lý lịch tư pháp của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường hợp người đại diện là người nước ngoài không thuộc đối tượng cấp phiếu lý lịch tư pháp số 1 thì được thay thế bằng phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản xác nhận không phải là người đang trong thời gian chấp hành hình phạt hoặc chưa được xóa án tích hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự của nước ngoài (các văn bản này được cấp trước ngày nộp hồ sơ không quá 06 tháng; văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật). (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ1425)
47.	2.002028.000.00.00.H34	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết	Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 04/01/2024	1) Bản sao Giấy chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu của người lao động (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ002139)
48.	1.005132.000.00.00.H34	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới	Quyết định số 72/QĐ-UBND	1) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Mã TPHS 000.00.00.G07-KQ001686)

		90 ngày	ngày 15/2/2022	
49.	1.005219.000. 00.00.H34	Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người bị thu hồi đất nông nghiệp đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 04/01/2024	1) Bản sao hộ chiếu và thị thực (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ002134</i>)
50.	1.001978.00 0.00.00.H34	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp	Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 25/4/2024	1) Đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH. Trường hợp người lao động không có nhu cầu hưởng trợ cấp thất nghiệp thì nộp đề nghị không hưởng trợ cấp thất nghiệp theo Mẫu số 08 ban hành kèm theo Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH. (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ002169</i>). 2) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu của một trong các giấy tờ sau đây xác nhận về việc chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc: - Hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc đã hết hạn hoặc đã hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động; - Quyết định thôi việc; - Quyết định sa thải; - Quyết định kỷ luật buộc thôi việc; - Thông báo hoặc thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc; - Xác nhận của người sử dụng lao động trong đó có nội dung cụ thể về thông tin của người lao động; loại hợp đồng lao động đã ký; lý do, thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động; - Xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc doanh nghiệp hoặc hợp tác xã giải thể, phá sản hoặc quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với các chức danh được bổ nhiệm trong

				trường hợp người lao động là người quản lý doanh nghiệp, quản lý hợp tác xã; - Trường hợp người lao động không có các giấy tờ xác nhận về việc chấm dứt hợp đồng lao động do đơn vị sử dụng lao động không có người đại diện theo pháp luật và người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền thì thực hiện theo quy trình sau: Người lao động tại đơn vị sử dụng lao động không có người đại diện theo pháp luật và người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền có nhu cầu chấm dứt hợp đồng lao động để hưởng các chế độ bảo hiểm thất nghiệp thì người lao động đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh thực hiện các thủ tục để xác nhận việc chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh gửi văn bản yêu cầu Sở Kế hoạch và Đầu tư xác nhận đơn vị sử dụng lao động không có người đại diện theo pháp luật hoặc không có người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm phối hợp với cơ quan thuế, cơ quan công an, chính quyền địa phương nơi đơn vị sử dụng lao động đặt trụ sở chính thực hiện xác minh nội dung đơn vị sử dụng lao động không có người đại diện theo pháp luật hoặc không có người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền. Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi văn bản trả lời cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh về nội dung đơn vị sử dụng lao động không có người đại diện theo pháp luật hoặc không có người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu xác nhận của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh. - Giấy tờ xác nhận về việc chấm dứt hợp đồng lao động
--	--	--	--	--

				theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu của hợp đồng đó đối với trường hợp người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp khi làm việc theo hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng. (Mã TPHS: 000.00.00.G07 KQ002170). 3) Sổ BHXH. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ002171).
51.	1.001973.00 0.00.00.H34	Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp	Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 25/4/2024	1) Giấy tờ chứng minh về việc không thông báo tìm kiếm việc làm hằng tháng theo quy định của người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ002172).
52.	2.001953.00 0.00.00.H34	Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp	Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 25/4/2024	1) Các giấy tờ chứng minh người lao động thuộc đối tượng chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp. Bao gồm một trong các giấy tờ sau: - Quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp (để tính thời gian chấm dứt hưởng). - Quyết định tuyển dụng hoặc bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với trường hợp chưa hết thời hạn hưởng nhưng đã tìm được việc làm. - Giấy triệu tập thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an đối với người thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an. - Quyết định hưởng lương hưu. - Giấy tờ chứng minh về việc 02 lần từ chối nhận việc làm do trung tâm dịch vụ việc làm giới thiệu mà không có lý do chính đáng. - Giấy tờ chứng minh về việc không thông báo về việc tìm kiếm việc làm trong 03 tháng liên tục. - Giấy tờ chứng minh người

				lao động định cư ở nước ngoài (xác minh của Xã, phường, thị trấn...). - Giấy báo nhập học đối với học tập trong nước. Trường hợp học tập ở nước ngoài thì phải có giấy tờ chứng minh về việc xuất cảnh. - Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm pháp luật bảo hiểm thất nghiệp của cơ quan có thẩm quyền. - Giấy chứng minh người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp bị chết (Giấy chứng tử, xác minh của Xã, phường, thị trấn....). - Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục, cơ sở cai nghiện bắt buộc của cơ quan có thẩm quyền. - Quyết định của tòa án tuyên bố mất tích. - Quyết định tạm giam, chấp hành hình phạt tù của cơ quan có thẩm quyền. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ002175) 2) Đối với trường hợp người lao động phải thông báo với trung tâm dịch vụ việc làm nơi đang hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định: * Thông báo của người lao động về việc chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp theo Mẫu số 23 ban hành kèm theo Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ002174)
53.	2.000839.00 0.00.00.H34	Giải quyết hỗ trợ học nghề	Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 25/4/2024	1) Đối với người lao động không thuộc các trường hợp nêu trên nộp: + Đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH; + Đề nghị hỗ trợ học nghề theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 61/2020/NĐ-CP; + Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu của một trong các giấy tờ xác nhận về việc chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc; + Sổ bảo hiểm xã hội. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ002184) 2) Đối với người lao động đang chờ kết quả giải quyết hưởng

				trợ cấp thất nghiệp hoặc đang hưởng trợ cấp thất nghiệp mà có nhu cầu học nghề tại địa phương nơi đang chờ kết quả hoặc đang hưởng trợ cấp thất nghiệp phải nộp đề nghị hỗ trợ học nghề theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 61/2020/NĐ-CP. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ002182) 3) Đối với người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp mà có nhu cầu học nghề tại địa phương không phải nơi đang hưởng trợ cấp thất nghiệp nộp đề nghị hỗ trợ học nghề theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 61/2020/NĐ-CP và quyết định về việc hưởng trợ cấp thất nghiệp (bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu). (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ002183)
54.	2.000178.00 0.00.00.H34	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đi)	Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 25/4/2024	1) Đề nghị chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp của người lao động. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ002176)
55.	2.000148.00 0.00.00.H34	Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm	Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 25/4/2024	1) Phiếu tư vấn, giới thiệu việc làm theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ002185)
56.	1.001966.00 0.00.00.H34	Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp	Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 25/4/2024	1) Thông báo về việc tìm kiếm việc làm theo Mẫu số 16 ban hành kèm theo Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ002173)
57.	1.000401.00 0.00.00.H34	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đến)	Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 25/4/2024	1) Bản chụp các quyết định hỗ trợ học nghề, quyết định tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp, quyết định tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp (nếu có) (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ002180) 2) Bản chụp quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ002183)

				000.00.00.G07-KQ002179) 3) Bản chụp thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng (nếu có), các giấy tờ khác có trong hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ002181) 4) Giấy giới thiệu chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp theo Mẫu số 11 ban hành kèm theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH; (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ002178) 5) Mẫu 10 ban hành kèm theo Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ002177)
58.	1.000362.00 0.00.00.H34	Thông báo về việc tìm việc làm hằng tháng	Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 25/4/2024	1) Thông báo về việc tìm kiếm việc làm theo Mẫu số 16 ban hành kèm theo Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ002186)
V	LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP			
59.	2.000189.00 0.00.00.H34	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 12/7/2022	1) Bản sao quyết định thành lập, cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) của doanh nghiệp đối với trường hợp đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh, thành phố khác với nơi đặt trụ sở chính. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001919)
60.	1.000389.00 0.00.00.H34	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp,	Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 12/7/2022	1) Bản sao quyết định thành lập, cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) của doanh nghiệp đối với trường hợp đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp khác với nơi

		trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp		đặt trụ sở chính. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001920) 2) Bản sao quyết định thành lập, cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001921) 3) Bản sao quyết định thành lập, cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) của doanh nghiệp hoặc bản sao quyết định thành lập, cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp đối với trường hợp đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp khác với nơi đặt trụ sở chính; Bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc chuyển trụ sở chính hoặc phân hiệu hoặc địa điểm đào tạo. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001922) 4) Bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc đổi tên doanh nghiệp. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001923)
VI	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI			
61.	2.000286.00 0.00.00.H34	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 15/6/2021	1) Tờ khai của đối tượng hoặc người giám hộ (theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP); - Bản sao giấy khai sinh đối với trẻ em, trường hợp trẻ em bị bỏ rơi phải làm thủ tục đăng ký khai sinh theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch; - Bản sao Giấy xác nhận khuyết tật đối với trường hợp là người khuyết tật. - Xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền đối với trường hợp nhiễm HIV; - Giấy tờ liên quan khác (nếu có). (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ1444)
62.	2.000282.00 0.00.00.H34	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	Quyết định số 304/QĐ-UBND	1) Tờ khai của đối tượng hoặc người giám hộ (theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP); - Bản sao

		vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	ngày 15/6/2021	chứng minh nhân dân, căn cước công dân hoặc giấy tờ tùy thân của đối tượng (nếu có); - Biên bản đối với trường hợp khẩn cấp có nguy cơ đe dọa đến an toàn của đối tượng. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ1446)
VII	LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI			
63.	2.000025.00 0.00.00.H34	Cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo Phụ lục 1 Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH (Mã TPHS: 000.00.00G07-KQ0236). 2) Danh sách nhân sự dự kiến làm việc tại cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo Phụ lục 4 (Mã TPHS: 000.00.00G07-KQ0239). 3) Giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc tài sản gắn liền với đất phục vụ cho hoạt động cơ sở hỗ trợ nạn nhân (bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu). (Mã TPHS: 000.00.00G07-KQ0240).
64.	2.000027.00 0.00.00.H34	Cấp lại giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 15/6/2021	1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo Phụ lục 1 Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH (Mã TPHS: 000.00.00G07-KQ0243). 2) Tài liệu, văn bản chứng minh Giấy phép bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy (Mã TPHS: 000.00.00G07-KQ0244).
65.	2.000032.00 0.00.00.H34	Sửa đổi bổ sung giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 15/6/2021	1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo Phụ lục 1 Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH. (Mã TPHS: 000.00.00G07-KQ0244)
66.	2.000036.00 0.00.00.H34	Gia hạn giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 15/6/2021	1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo Phụ lục 1 Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH (Mã TPHS: 000.00.00G07-KQ0248)

				2) Báo cáo về tình hình hỗ trợ nạn nhân của cơ sở tính đến thời điểm đề nghị gia hạn và phương hướng hoạt động tiếp theo của cơ sở theo Phụ lục số 5 Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH (Mã TPHS: 000.00.00G07-KQ0249).
67.	1.000091.00 0.00.00.H34	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 15/6/2021	1) Đơn đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo Phụ lục 10 Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH (Mã TPHS: 000.00.00G07-KQ0251). 2) Phương án giải quyết đối với nạn nhân, người lao động, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan của cơ sở hỗ trợ nạn nhân khi chấm dứt hoạt động Phụ lục số 11 Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH (Mã TPHS: 000.00.00G07-KQ0252).
68.	1.010935.00 0.00.00.H34	Cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 12/7/2022	1) Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện (Mã TPHS: 000.00.00G07-KQ1947). 2) 01 bản sao Quyết định thành lập, cho phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. (Mã TPHS: 000.00.00G07-KQ1948).
69.	1.010936.00 0.00.00.H34	Cấp lại giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 12/7/2022	1) Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu 01 PL II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP (Mã TPHS 000.00.00G07-KQ1953). 2) 01 bản chính biên bản của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện về việc xác nhận giấy phép hoạt động bị mất (hỏng) theo mẫu 07 PL II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP; (Mã TPHS 000.00.00G07-KQ1954).
70.	1.010937.00 0.00.00.H34	Thu hồi Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy trong trường hợp cơ sở	Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 12/7/2022	1) Văn bản của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện xin dừng hoạt động cai nghiện ma túy theo Mẫu 11 PL II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP (Mã TPHS 000.00.00G07-KQ1959).

		cai nghiệm có văn bản đề nghị dừng hoạt động cai nghiệm ma túy tự nguyện		
B	CẤP HUYỆN			
I	LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG			
1.	1.010832.000.00.00.H34	Thăm viếng mộ liệt sĩ	QĐ 277/QĐ-UBND ngày 19/4/2022	1) Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ sau: giấy chứng nhận gia đình hoặc thân nhân liệt sĩ; quyết định trợ cấp thờ cúng liệt sĩ. (Mã TPHS 000.00.00.G07-KQ001819) 2) Một trong các giấy tờ sau: + Giấy báo tin mộ liệt sĩ của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi quản lý mộ đối với trường hợp mộ liệt sĩ có đầy đủ thông tin. + Đối với trường hợp chưa xác định được mộ cụ thể trong nghĩa trang liệt sĩ: Giấy xác nhận do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi quản lý mộ về việc có tên trong danh sách quản lý của nghĩa trang. Bản trích lục hồ sơ liệt sĩ do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi quản lý hồ sơ gốc cấp. Bản sao được chứng thực từ giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh theo Mẫu số 44 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. (Mã TPHS 000.00.00.G07-KQ001820) 3) Đơn đề nghị theo Mẫu số 31 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. (Mã TPHS 000.00.00.G07-KQ001818)
II	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI			

2.	2.000286.00 0.00.00.H34	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	QĐ 304/QĐ-UBND, 15/6/2021	1) Tờ khai của đối tượng hoặc người giám hộ (theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP); Bản sao giấy khai sinh đối với trẻ em, trường hợp trẻ em bị bỏ rơi phải làm thủ tục đăng ký khai sinh theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch; Bản sao Giấy xác nhận khuyết tật đối với trường hợp là người khuyết tật; Xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền đối với trường hợp nhiễm HIV; Giấy tờ liên quan khác (nếu có). (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ1444)
3.	2.000282.00 0.00.00.H34	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	QĐ 304/QĐ-UBND, 15/6/2021	1) Tờ khai của đối tượng hoặc người giám hộ (theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP); Bản sao chứng minh nhân dân, căn cước công dân hoặc giấy tờ tùy thân của đối tượng (nếu có); Biên bản đối với trường hợp khẩn cấp có nguy cơ đe dọa đến an toàn của đối tượng. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ1446).
III LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI				
4.	2.001661.00 0.00.00.H34	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	QĐ 76/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	1) Đơn đề nghị hỗ trợ của nạn nhân hoặc của gia đình nạn nhân có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã theo mẫu quy định tại Phụ lục 16 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2013 (Mã TPHS: 000.00.00G07-KQ00936).
5.	1.010938.00 0.00.00.H34	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	QĐ 403/QĐ-UBND ngày 12/7/2022	1) Văn bản đề nghị công bố đủ điều kiện cung cấp, dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng của tổ chức cá nhân theo Mẫu số 13 PL II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP. (Mã TPHS: 000.00.00G07-KQ001960) 2) 01 bản sao Quyết định thành lập, cho phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với tổ chức cung

				cấp dịch vụ). (Mã TPHS: 000.00.00G07-KQ001961)
6.	1.010939.00 0.00.00.H34	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	QĐ 403/QĐ-UBND ngày 12/7/2022	1) Văn bản đề nghị công bố lại của tổ chức, cá nhân theo Mẫu số 13 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP. (Mã TPHS: 000.00.00G07-KQ001967). 2) Bản lý lịch tóm tắt của người đứng đầu hoặc đại diện theo pháp luật của cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện theo Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP kèm theo các văn bằng, chứng chỉ đối với trường hợp thay đổi người đại diện theo pháp luật quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP. (Mã TPHS: 000.00.00G07-KQ001968).
7.	1.010940.00 0.00.00.H34	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.	QĐ 403/QĐ-UBND ngày 12/7/2022	1) Văn bản đề nghị công bố (công bố lại) đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng của tổ chức, cá nhân đề nghị theo Mẫu số 13 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP. (Mã TPHS 000.00.00G07-KQ001971). 2) Bản sao Quyết định thành lập. (Mã TPHS 000.00.00G07-KQ001972)
C	CẤP XÃ			
I	LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG			
1.	1.010833.00 0.00.00.H34	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	QĐ 254/QĐ-UBND, 22/5/2023	1) Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ sau: + Giấy chứng nhận người có công hoặc Kỷ niệm chương người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày; Huân chương, Huy

				chương kháng chiến; Huân chương, Huy chương chiến thắng; kỷ niệm chương “Tổ quốc ghi công”; bằng “Có công với nước”. + Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận mối quan hệ với người có công gồm: căn cước công dân. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001999) 2) Đơn đề nghị cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công. (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ001998)
II.	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI			
2.	2.000355.00 0.00.00.H34	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	QĐ 304/QĐ-UBND, 15/6/2021	1) Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đứng đầu, nhân viên của cơ sở (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ0678) 2) Phiếu lý lịch tư pháp của người đứng đầu cơ sở, nhân viên của cơ sở (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ0677) 3) Tờ khai đăng ký hoạt động trợ giúp xã hội theo Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 103/2017/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ0676).
3.	1.001653.00 0.00.00.H34	Cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	QĐ 304/QĐ-UBND, 15/6/2021	1) Đơn đề nghị cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH) (Mã TPHS: 000.00.00.G07-KQ002168).

Tổng cộng: Danh mục có 80 thủ tục hành chính (TTHC cấp tỉnh 70, TTHC cấp huyện 07 và TTHC cấp xã 03); 178 thành phần hồ sơ phải số hóa.